

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2021
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Bình.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh C, sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp A, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021 nguyên đơn chị T trình bày:

Tháng 10/2013 chị kết hôn với anh C, đăng ký kết hôn ngày 12/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Vân Khánh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với cha mẹ chồng, anh C mâu thuẫn với cha chồng nên anh chị đi đến nhà cha mẹ ruột của chị T sinh sống (huyện N, tỉnh Cà Mau). Tháng 02/2015 chị T bị hư thai, khoảng 20 ngày sau thì anh C bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn

với anh C; chị T trình bày không có con chung, không tài sản và nợ chung, không yêu cầu gì khác.

- Anh C có đơn xin vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2021 anh C có trình bày:

Anh chị quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý theo yêu cầu của chị T, anh chị không có con chung, không tài sản và nợ chung, anh không có yêu cầu gì khác. Anh xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết do anh đi biển.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh C, không yêu cầu giải quyết vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Năm 2014 anh C và chị T đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi, anh chị đều từ chối tham gia hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn được. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về nội dung vụ án, anh chị không có tranh chấp gì, cả hai đều thống nhất ly hôn. Lẽ ra Tòa án chỉ cần ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, nhưng hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, chị T đang cư trú tại tỉnh Cà Mau; anh C bận đi ghe biển thuê nên không thể tham gia hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử phải giải quyết cho anh chị được ly hôn bằng một bản án.

[3] Anh chị đều khai không có con chung, không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu trong vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C. Chị T được ly hôn với anh C.

2- Về án phí sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006398 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Các đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Vân Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận